

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2022/HSST
Ngày: 08/ 7/ 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thái

2. Bà Lò Thị Hiêng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn S**; tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 01/01/1961, tại tỉnh T.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Nam, xã T, huyện T, tỉnh T;

Chỗ ở hiện nay: Tổ 15, phường H, thành phố Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không; Con ông: Lê Văn T (Đã chết); Con bà: Hà Thị L; Vợ: Tô Thị D; Con: có 02 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/5/2022 đến ngày 07/5/2022, sau đó áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày xét xử sơ thẩm (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Quang T; Địa chỉ: Tổ 14, phường H, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 10 phút ngày 05/5/2022, tổ công tác Công an thành phố Đ, làm nhiệm vụ tại tổ 07, phường Nam Thanh, thành phố Đ phát hiện ông Đào Quang T điều khiển xe mô tô BKS 27F6- 7499 chở bị cáo Lê Văn S đi trên đường Võ Nguyên Giáp, hướng từ Bản Phủ lên, có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Tổ công tác yêu cầu ông T dừng xe kiểm tra, thấy vậy, bị cáo Lê Văn S thả từ lòng bàn tay trái xuống đường, cách chân trái bị cáo đang đứng khoảng 30 cm, một gói nilon màu trắng, theo yêu cầu của tổ công tác, bị cáo nhặt lên nộp cho tổ công tác và khai đó là ma túy, loại Heroine, bị cáo vừa đi mua về, mục đích để sử dụng.

Nguồn gốc số ma túy nói trên là do: Hồi 13 giờ 41 phút cùng ngày, bị cáo dùng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen của mình gọi cho ông T, làm nghề xe ôm, bảo ông T chở xuống bản Xôm, xã Thanh An, huyện B mục đích để mua ma túy, nhưng bị cáo không nói cho ông T biết. Đến đầu bản Xôm, xã Thanh An, ông T đứng chờ bị cáo ở ngoài, bị cáo đi bộ vào trong bản gặp một người đàn ông không quen biết, đứng ở đường, bị cáo hỏi người đàn ông đó mua được một gói Heroine với giá 100.000đ. Mua được ma túy, bị cáo cầm trong lòng bàn tay trái, đi ra bảo ông T chở về, ông T không biết việc bị cáo mua và cất giấu ma túy trên người, khi đi về đến tổ 07 phường Nam Thanh, thành phố Đ thì bị phát hiện, bắt qua tang.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 19 giờ 30 phút, ngày 05/5/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 627/KL-KTHS ngày 07/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,7 gam.

Tại bản cáo trạng số 73/CT-VKSTPĐBP ngày 14/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lê Văn S về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Văn S về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, là người cao tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 65/BLHS, xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn S cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ, tỉnh B giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H, thành phố Đ, tỉnh B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/ BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,63gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu trắng, 01 sim điện thoại; Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Samsung màu đen, đã qua sử dụng. Bị cáo là người cao tuổi, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 14 giờ 10 phút ngày 05/5/2022, tại tổ 07, phường Nam Thanh, thành phố Đ, bị cáo Lê Văn S đã có hành vi cất giấu trái phép 0,7gam Heroine, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 05/5/2022, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 19 giờ 30 phút, ngày 05/5/2022, kết luận giám định số 627/KL-KTHS ngày 07/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với mục đích để sử dụng của bị cáo Lê Văn S là phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trong giai đoạn điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã nhận ra sai lầm của mình, bị cáo đã ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, bản thân bị cáo là người cao tuổi, không có trình độ văn hóa, không biết chữ, nên sự hiểu biết pháp luật có phần còn hạn chế, bị cáo

hiện đang bị bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, tăng lipit máu, khó nuốt. Hội đồng xét xử thấy rằng: Để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, với thời gian thử thách theo quy định, cũng đủ để răn đe giáo dục bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của Đảng, pháp luật Nhà nước ta đối với người phạm tội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo Lê Văn S về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, thì mức hình phạt cũng như việc áp dụng hình phạt tù, cho hưởng án treo, mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Các vấn đề khác: Đối với người đàn ông không quen biết đã bán ma túy cho bị cáo tại bản Xôm, xã Thanh An, huyện B do bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Đào Quang T, là người đã chở bị cáo đi mua ma túy, do ông T không biết mục đích của bị cáo đi mua ma túy, cũng như không biết việc bị cáo tàng trữ ma túy trong người, cơ quan điều tra không đặt vấn đề xem xét là có căn cứ.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, kèm 01 sim điện thoại số thuê bao 0912747225, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định quyền sở hữu của ông Đào Quang T; Địa chỉ: Tổ 14, phường H, thành phố Đ, tỉnh B, không

liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, ngày 16/5/2022, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã quyết định trả lại tài sản trên cho ông T, xét việc trao trả này là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Vật chứng: Đối với 0,63gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), là vật nhà nước cầm tàng trữ, 01 mảnh nilon màu trắng, 01 sim điện thoại thuê bao 0842231589, là những vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động cảm ứng màu đen, nhãn hiệu Samsung, số IMEI 1: 353793104038537; Số IMEI 2: 353794104038535, điện thoại đã qua sử dụng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định quyền sở hữu là của bị cáo Lê Văn S, bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] . Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, Điều 11, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo là người cao tuổi, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 65, Bộ luật hình sự, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Lê Văn S 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (Ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/7/2022). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Lê Văn S cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ, tỉnh B giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ tỉnh B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Tòa án đã cho hưởng án treo.

2. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo kể từ ngày 08/7/2022.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2, Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy: 0,63gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu trắng, 01 sim điện thoại thuê bao 0842231589; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động cảm ứng màu đen,

nhãn hiệu Samsung, số IMEI 1: 353793104038537; Số IMEI 2: 353794104038535, điện thoại đã qua sử dụng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B*).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/7/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- UBND P. H, TP. Đ;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành